	n your answer sheet to indica		erlined part differs fron
	n in each of the following que		D 11 .
Question 1. A. application	B. <u>a</u> pply	C. <u>a</u> pplicant	D. <u>a</u> pplicator
A. application / æplī keīsən/			
B. apply /əˈplaɪ/			
C. applicant /ˈæplɪkənt/			
D. applicator /ˈæplɪˌkeɪtə(r),	/		
Đáp án: <mark>B.</mark> apply			
Question 2. A. although	B. <mark>e<u>th</u>nic</mark>	C. <u>th</u> ere	<mark>D</mark> . ga <u>th</u> er
A. although /ɔ:l'ðoʊ/			
B. ethnic /' $\epsilon\theta$ nik/			
C. there /ðɛər/			
D. gather /ˈɡæðər/			
Đáp án: <mark>B.</mark> ethnic			
Mark the letter A, B, C, or D o	n your answer sheet to indica	te the word that differs	from the other three in
position of primary stress in	following questions.		
Question 3. A. teenager	B. vehicle	C. activate	D. nationwide
•	ehicle, C. activate, <mark>D.</mark> nationwid	e	
A. teenager /ˈtiːneɪʤər/			
B. vehicle /'vi:Ikl/			
C. activate /ˈæktɪveɪt/			
D. nationwide / nei[n'waid/			
Khác biệt: D. nationwide (Tro	ong âm ở âm tiết thứ hai)		
imac siçt. Di nationwiae (11)	ong am o am not mu nai)		
Question 4. A. imperial	B. simplicity	C. magnificence	D. stimulating
Question 4: A. imperial, B. si	mplicity, C. magnificence, D. sti		<u> </u>
A. imperial /Im'piəriəl/	1 0, 0	· ·	
B. simplicity /sim'plisiti/			
C. magnificence /mæg'nɪfɪsn	s/		
D. stimulating /'stimjoleitin,			
Khác biệt: D. stimulating (Tr			
inac siçu si sumulum (11	yng am o am not ada nen)		
Mark the letter A. B. C. or D	on your answer sheet to inc	licate the correct answ	er to each of the follow
questions.	J		
_	you need to enjoy teaching and	helping others learn.	
A. athlete	B. electrician	C. designer	D. teacher
	_, you need to enjoy teaching		
A. athlete (vận động viên)	_, , same to onjoy touching		
B. electrician (thợ điện)			
C. designer (nhà thiết kế)			
D. teacher (giáo viên)			
Đáp án: D. teacher			
	áo viên) thích giảng dạy và giú	o đỡ người khác học tôn	
orar rinch: mór feacher (81	ao vien) mich kiank adà va kia	ο σο πασοι κπας πός tάb .	
Ouestion 6 Nevt month sha	yoga for one year to in	nnrove her flevihility and	l mental health
A. will practice	B. will have practiced	-	
-	ש. wiii nave practiced	wiii nave been pr	acucing D. Has bee
practicing Overtice (Next menth sh	o	to improve has first!	try and mantal hards
	e yoga for one year	to improve ner flexibili	iy and mentai health.
A. will practice			
B. will have practiced			
C. will have been practicing	ng		
D. has been practicing			

			((
Giải thích: Thì tươ	ve been practicing vng lai hoàn thành tiếp diễn ("will khoảng thời gian trước một thời đ ương lai.	-	
Question 7. Which c	country is: Mexico or Costa F B. the bigger	Rica? C. <mark>bigger</mark>	D. the biggest
A. Dig	b. the bigger	C. Digger	D. the biggest
	the test this afternoon, he _		0 0
A. passes/will move A. passes/will mo		C. will pass/moves	D. pass/moving
(Nếu anh ấy vượt của mình.)	qua bài kiểm tra chiều nay, anh ấ		p theo trong khóa học ngôn ngữ
Qua bài kiem tra (h	niện tại) dẫn đến việc lên cấp độ t	tiep theo (tương lai).	
Question 9. Linda a - Linda: "Hunk you fo - Ivy: ""	nd Ivy are talking to each other. or helping me."		
A. I agree.	B. You're welcome.	C. Yes, I'd lose to.	D. I'm sorry.
	n ơn bạn đã giúp tôi."		
<mark>A</mark> . Tôi đồng ý.			
B. Bạn rất hoan n	ghênh.		
C. Vâng, tôi rất mư			
	uon.		
D. Xin lỗi.			
Ivy: <mark>B.</mark> Không có gi	ì.		
Giải thích: Đây là c	câu trả lời lịch sự để thể hiện sự k	hiệm tốn	
01411 0111 0111 D aj 1a 0			
Question 10. The ho	ouse he hought was h	ouilt 5 years ago.	
A. whose	B. whom	C. which	D. who
The house	he bought was built 5 years ag	(0.	
C. which			
Cấu trúc: Mênh để	ề quan hệ xác định với "which" chỉ	vật	
•	" thay thế cho "the house", chỉ căn		
olai tilicii. Willeli	thay the cho the house, chi can	illia illa alili dy illu <mark>a.</mark>	
Ouestion 11. In a tr	raditional family, there were three	grandparents, 1	parents, and children.
A. generations	B. teams	C. groups	D. bands
In a traditional fa	mily, there were three	_: grandparents, parents,	and children.
Dich: Trong một gi	ia đình truyền thống, có ba	: ông bà, cha me và con	cái.
A. generations (thê	· -		
B. teams (nhóm)	• ,		
·			
C. groups (nhóm)			
D. bands (băng nhớ			
Đáp án: A. generat			
Giái thích: "Genera	ations" chỉ các thế hệ khác nhau tr	ong gia đình.	
Question 12. There	isn't money left in my s		p.
A. much	B. many	C. a few	D. little
	money left in my savings acc	count after the trip.	
Đáp án: A. much			
	ıch + danh từ không đếm được"		
	dùng với danh từ không đếm đượ		
Dịch: Không còn nl	hiều tiền trong tài khoản tiết kiện	n của tôi sau chuyến đi.	
	<u> </u>		

Read the following announcement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 13 to 16.

-	AI ROBOT EXHIBITION (POMING COOM	
31 Date & Time: 8 a.m. on May 4	_	LUMING SUUN!	
Location: (13) Nat			
Get ready for an amazing day of			
det ready for an amazing day of		TAT , 1 1 1 A	T 1
•	Robot Demonstration	is: Watch advanced A	I robots perform exciting
tasks and show their skills.			
•	🚀 Interactive Zones: Par	ticipate in fun (14)	, try out the latest AI
technology, and experience the	future up close.		
•	Expert Talks: (15)	to knowledgeal	ole speakers discuss how AI
is changing different industries.			_
•	? Q&A Sessions: Ask que	estions and get answers	from AI experts.
For More Information: Email			·
Don't miss this chance to see h	_	~	ne date and ioin us for a
fascinating day!	ow robots and m are snapr	ing our world, buve th	ic date, and join as for a
Ouestion 13: A. the	B. an	C. a	D. no article
Question 14: A. actions	B. activities	C. action	D. activity
Question 15: A. Talk	B. Listen	C. Ask	D. Speak
Question 16: A. at	B. in	C. on	D. to
Câu: "Location: (13) N	National Convention Centre" (H	Địa điểm: Trung tâm H	ội nghị Quốc gia.)
Giải thích: "National Convention	Centre" là một địa điểm cụ th	nể, nên cần mạo từ "th	e" trước danh từ. Đáp án
đúng là A. the .			
Câu 14:			
Câu: "Participate in fun (14)		chnology" (Tham gia v	vào các hoạt động vui
nhộn, thử nghiệm công nghệ AI r			
Giải thích: "Activities" là danh từ	r số nhiều phù hợp để diên tả	ı các hoạt động. Đáp án	ı đúng là B. activities .
Câu 15:			
Câu: "(15) to knowled	9	0 0	
các diễn giả có kiến thức bàn luậ	_ ,		
Giải thích: Hành động phù hợp ở		e), pnu nợp vơi ngư car	ın cua việc nghe các dien
giả nói. Đáp án đúng là B. Listen . Câu 16:			
Câu: "Email us (16) hi	dhtach@dmail.com " (Ciri ams	ail cho chúng tôi thao đ	ia chỉ
hightech@gmail.com.)	girech@ginan.com. (durema	an cho chung toi theo u	ia CIII
Giải thích: Cụm từ "Email us at"	là cách diễn đạt chính xác khi	chỉ địa chỉ email. Đán	án đúng là A. at .
our thien oun to him to be		em aja em emam zap	an aang la m aa
Mark the letter A, B, C, or D on	your answer sheet to indica	ite the correct answe	r to each of the following
questions from 17 to 18.			
Question 17: Put the sentences (a	-c) in the correct order, then fi	ill in the blank to make	a logical text.
Organizing a charity event takes a	lot of work and teamwork	·	
a. After the event, the volunteers w	vere happy to see that the don	ations were given to pe	eople who needed them.
b. The problems started when it w		-	
c. At first, the planning seemed sim	-	·	
A. c-b-a	B. a-c-b	C. b-c-a	D. c-a-b
Question 18: Choose the sentence	that can end the text (in Ques	tion 17) most appropri	iately.

A. Many people were excited to join in and give to the cause.

B. The team decided to plan another event to collect more donations.

- The event was successful, and everyone praised the organizers.
- D. After the event, volunteers received thank-you notes for their help.

Câu 17:

Đáp án: A. c-b-a

Giải thích:

- o **Câu c:** Mở đầu cho đoạn văn, giải thích rằng ban đầu việc lập kế hoạch có vẻ đơn giản, nhưng nhanh chóng nhận ra có nhiều công việc cần thực hiện.
- Câu b: Tiếp theo, nhấn mạnh rằng vấn đề bắt đầu khi nhận ra cần thêm tình nguyện viên để chuẩn bị.
- Câu a: Kết thúc đoạn văn, mô tả sự hài lòng của các tình nguyện viên khi thấy rằng các khoản quyên góp đã được trao cho những người cần.

Thứ tự hợp lý là: c (giới thiệu) \rightarrow b (vấn đề) \rightarrow a (kết quả).

Câu 18:

Đáp án: C. The event was successful, and everyone praised the organizers.

Giải thích:

- o Câu kết thúc này phù hợp với chủ đề tổng thể của đoạn văn, là về sự thành công của sự kiện và sự hài lòng của tình nguyện viên. Nó củng cố ý tưởng rằng mặc dù có những khó khăn trong quá trình tổ chức, cuối cùng sự kiện đã thành công và nhận được sự khen ngợi.
- o Các lựa chọn khác (A, B, D) đều có thể hợp lý nhưng không liên quan trực tiếp đến việc đánh giá thành công của sư kiện như lưa chon C.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 19 to 24.

Lunar New Year, more commonly known by its shortened name Tet, which is (19) and popular holiday
and festival in Viet Nam. Tet (20) place from the first day of the first month of the Lunar calendar (around
late January or early February) until at least the third day. (21) Vietnamese (22) for Tet by
cooking special foods and cleaning the house. There are lots of customs practicing during Tet, like visiting a person's
house on the first day of the New Year, wishing New Year's greetings (23) giving lucky money to children
and elderly people. During Tet, Vietnamese (24) and temples, forgetting about the trouble of the past year
and hoping for a better upcoming year.

Question 19: A. most importanter **B.** the important most **C.** the most important **D.** the importantest **Question 20: A. takes B.** hide C. hides D. take **Question 21: A. Many** B. Much C. More D. Several **Question 22: A.** preparative **B.** preparation C. prepare D. preparing Question 23: A. so B. and C. but D. or

C. their relatives visit

D. their relatives

B. visit their relatives

Câu 19: Đáp án: C

Giải thích: Cấu trúc so sánh nhất " is the most important"

Câu 20: Đáp án: A

Giải thích: Cụm từ "take place - diễn ra"

Question 24: A. visit relatives

Câu 21:

Đáp án: A

Giải thích: Người Việt Nam (Vietnamese) là danh từ số nhiều đếm được => Many, Các lựa chọn khác không phù hợp với ngữ cảnh vì "much" chỉ số lượng không đếm được, "more" không phù hợp với ngữ nghĩa và "several" thường chỉ một số lượng cụ thể nhưng không rõ ràng.

Câu 22:

Đáp án: C

Giải thích: Chủ ngữ "Many Vietnamese" + V => động từ là prepare, Các lựa chọn khác không đúng ngữ pháp hoặc không phù hợp với ngữ cảnh.

Câu 23:

Đáp án: B

Giải thích: "And" là liên từ hợp lý để nối hai hoạt động liên quan nhau trong câu. Lựa chọn A ("so") không phù hợp vì không tạo ra mối liên hệ nguyên nhân-hệ quả. Lựa chọn C ("but") thể hiện sự đối lập không hợp lý và lựa chọn D ("or") không phù hợp trong ngữ cảnh.

Câu 24:

Đáp án: B

Giải thích: "Visit their relatives" là câu đúng ngữ pháp và phù hợp với ngữ cảnh. Câu này có nghĩa là người Việt Nam sẽ thăm họ hàng của mình trong dịp Tết. Lựa chọn A thiếu chủ ngữ rõ ràng, C sai ngữ pháp và D không hoàn chỉnh.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

Question 25: Although she lives quite far away, she walks to school every day.

- A. Despite living quite far away, she walks to school every day.
- B. Despite of living quite far away, she walks to school every day.
- C. Despite she lives quite far away, she walks to school every day.
- D. In spite living quite far away, she walks to school every day.

Question 26: The neighbor's dog woke me up this morning.

- A. I am woken up by the neighbor's dog this morning.
- **B.** I were woken up by the neighbor's dog this morning.
- C. I was woken up this morning by the neighbor's dog.
- D. I was woken up by the neighbor's dog this morning.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

Question 27: respect/our ancestors/one/traditions/our people

- A. Respecting our ancestors was one of the traditions of our people.
- B. Respecting our ancestors is one of the traditions of our people.
- C. Respect our ancestors is one tradition of our people.
- D. To respect our ancestors is one of the traditions on our people.

Question 28: close down /museum /no longer/place/interest

- A. They have closed down the museum because it is no longer a place of interest.
- B. They closed down the museum although it is no longer a place of interest.
- C. They closed down the museum, so it is no longer a place of interest.
- D. They are closing down the museum, but it is no longer a place of interest.

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.



Question 29: What does the sign say?

- A. Be careful! You should not use your phone while driving.
- **B.** Using the phone behind the car is allowed.
- C. Taking photo of the car ahead is allowed.
- D. Be careful! You should not use your phone while walking.

Biển báo: Cẩn thận, không nên sử dụng điện thoại khi đi bộ

Câu hỏi: Biển báo này có ý nghĩa gì?

- A. Cẩn thận! Bạn không nên sử dụng điện thoại khi lái xe.
- B. Việc sử dụng điện thoại phía sau xe là được phép.
- C. Việc chụp ảnh xe phía trước là được phép.
- D. Cẩn thận! Bạn không nên sử dụng điện thoại khi đi bộ.

Giải thích: Biển báo này cảnh báo việc sử dụng điện thoại khi đi bộ có thể gây tai nạn do thiếu chú ý.

Question 30: What does this notice say?

Go to desk in corner for concert tickets already paid for. Do not queue here.

- A. Don't queue here if you paid for your ticket already.
- B. Don't pay for your ticket because it is free.
- **C.** Go to the desk in the corner to pay for your ticket.
- D. Pay for your ticket at the desk in the corner.

Thông báo này nói gì?

● Hãy đến bàn ở góc để lấy vé buổi hòa nhạc mà bạn đã trả tiền. Không xếp hàng ở đây.

Câu hỏi:

- A. Đừng xếp hàng ở đây nếu bạn đã trả tiền vé.
- B. Không cần trả tiền vé vì nó miễn phí.
- C. Đến bàn ở góc để trả tiền vé.
- D. Trả tiền vé tại bàn ở góc.

Giải thích: Câu A là đúng vì thông báo yêu cầu những người đã trả tiền vé không nên xếp hàng tại đây.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 31 to 36.

Being a teenager is tough. Tough for the boy or girl and tough for the parents. All sorts of worries that never before existed come to light at this time and without the benefit of the hindsight that parents presses, having lived through it. they may seem <code>insurmountable</code>. The most common worries are: will I light the boyfriend or girlfriend. W hat am I doing with my life? And last but not least, my parents don't understand me. Coupled to these arc stresses created by the pressures of examinations, where once again parents' expectation may be a <code>contributory</code> factor.

Parents notice the signs of stress and often feel guilty, believing that the lack of teenagers' part is their fault. There is a great deal of well-meaning advice on the subject, encouraging teenagers to speak out hand parents to listen but the heart of the problem lies in trust which should have developed earlier in childhood. Teenager will find it easier to share their thoughts if they sense that their parents went through similar experience: parents need to recall what being a teenager was like, and how they got through it.

Which is the following could be the best title for this passage?

A. parents and children

B. the smooth transition

C. the troubled teenage years

D. Recalling troubled childhood

Question 32. As used in the first paragraph the word in the first paragraph, the word insurmountable means

A. easy

B. carefree

C. insuperable

D. normal

Question 33. What reason is given for teenagers feeling they cannot solve their problem?

- **A.** their relationship with their peer groups
- **B.** their relationships with their parents
- C. their difficult situation at school
- D. their lack of experience

Question 34. What is the writer arguing in the second paragraph?

- A. the parents should put themselves in the teenagers' shoes.
- B. Parents are wrong to blame themselves.
- C. Parents should seek professional guidance
- D. parents can help if a good relationship already exists

Question 35. What is a key factor in the relationship between teenagers and parents?

A. Trust, which helps to build a strong connection

- **B.** Money, often a source of tension in families
- C. Rules, which can sometimes create conflict
- D. Freedom, allowing teenagers to explore independently

Question 36. The word "contributory" in paragraph 1 is CLOSEST in meaning to ______

A. helpful

B. unnecessary

C. harmful

D. simple

Làm thiếu niên thật khó khăn. Khó cho cả con trai, con gái lẫn cha mẹ. Có rất nhiều lo lắng mà trước đây chưa từng xuất hiện nay lại bộc lộ ra vào thời điểm này, và khi không có cái nhìn thấu đáo mà cha mẹ có được sau khi đã trải qua, chúng có vẻ như không thể vượt qua được. Những lo lắng phổ biến nhất là: liệu tôi có thích bạn trai hoặc bạn gái không? Tôi đang làm gì với cuộc đời mình? Và cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, cha mẹ tôi không hiểu tôi. Thêm vào đó là những căng thẳng do áp lực thi cử, trong đó kỳ vọng của cha mẹ có thể là một yếu tố góp phần.

Cha mẹ nhận thấy dấu hiệu căng thẳng và thường cảm thấy tội lỗi, tin rằng sự thiếu quan tâm từ phía thanh thiếu niên là lỗi của họ. Có rất nhiều lời khuyên tốt bụng về vấn đề này, khuyến khích thanh thiếu niên lên tiếng và cha mẹ lắng nghe, nhưng cốt lõi của vấn đề nằm ở sự tin tưởng, điều lẽ ra đã được phát triển từ sớm trong thời thơ ấu. Thanh thiếu niên sẽ dễ dàng chia sẻ suy nghĩ của mình hơn nếu họ cảm nhận rằng cha mẹ đã trải qua những kinh nghiệm tương tự: cha mẹ cần nhớ lại cảm giác làm thiếu niên là như thế nào và họ đã vượt qua nó ra sao.

Câu 31: Câu nào sau đây có thể là tiêu đề phù hợp nhất cho bài đọc này?

• C. Những năm tháng tuổi thiếu niên đầy rắc rối

Bài viết tập trung vào những khó khăn mà cả thiếu niên và cha mẹ phải đối mặt trong giai đoạn tuổi dậy

thì, vì vậy "Những năm tháng tuổi thiếu niên đầy rắc rối" là tiêu đề phù hợp nhất.

Câu 32: Trong đoạn văn đầu tiên, từ "insurmountable" (không thể v**ượ**t qua) có nghĩa là gì?

• C. insuperable (không thể khắc phục)

"Insurmountable" có nghĩa là không thể vượt qua được, tương tự với "insuperable" (khó khăn hoặc không thể khắc phục được).

Câu 33: Lý do nào được đưa ra về việc tại sao thanh thiếu niên cảm thấy họ không thể giải quyết vấn đề của mình?

• D. Họ thiếu kinh nghiệm

Bài viết giải thích rằng thanh thiếu niên cảm thấy các vấn đề của họ khó giải quyết vì họ không có kinh nghiệm hoặc sự hiểu biết sâu rộng như cha mẹ.

Câu 34: Tác giả đang tranh luận điều gì trong đoạn thứ hai?

• A. Cha mẹ nên đặt mình vào vị trí của thanh thiếu niên.

Tác giả cho rằng cha mẹ nên nhớ lại việc làm thiếu niên là như thế nào và cố gắng đồng cảm với con cái, vì vậy đây là câu trả lời đúng nhất.

Câu 35: Yếu tố quan trọng trong mối quan hệ giữa thanh thiếu niên và cha mẹ là gì?

• A. Sự tin tưởng, giúp xây dựng một kết nối vững chắc

Bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tin tưởng, điều này giúp thanh thiếu niên dễ dàng chia sẻ

suy nghĩ với ch	na mẹ hơn.
Câu 36: Từ "contribu	ıtory" (đóng góp) trong đoạn 1 gần nghĩa nhất với
A. helpful (giú	
	' có nghĩa là điều gì đó đóng góp hoặc góp phần vào tình huống, và có thể được hiểu là
"giúp ích" hoặc	c hổ trợ.
Four phrases/sentenc	ces have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C
or D on your answer sl	heet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 37 t
10.	
	THE BENEFITS OF VOLUNTEERING
olunteering is an impo	ortant way to give back to the community. It allows people to contribute their time and effor
o make a positive impa	act. It also ${f (37)}$, building stronger connections between individuals. Volunteerin
	uch as helping at a food bank or participating in a neighborhood cleanup. (38) B
	an learn new skills, meet new people, and feel a sense of accomplishment. (39) I
conclusion, volunteerin	ng not only helps others but also benefits the person who gives their time. By joining loca
efforts, we can (40)	
	a great way to develop personal skills
_	ifference in our communities
. brings people togeth	er
). We gain a deeper ser	ise of purpose
Question 37	_C
Question 38.	_A
Question 39	_D
Question 40	_B
Câu 37:	
Đáp án: C	
Giái thích: "It" chia độ	ng từ dạng số ít thêm s/es => C. brings
Qâ 9.0	
Câu 38:	
Đáp án: A	
	nối, nói về việc phát triển kỹ năng cá nhân. Đáp án phù hợp là A. Volunteering is also a
great way to develop	personal skills (Tình nguyện cũng là một cách tuyệt vời để phát triển kỹ năng cá nhân).
Câu 39:	
tian an' ii	
Đáp án: D Giải thích: Đoàn này n	ói về lợi ích lớn hơn từ việc tình nguyên. Câu nhù hơn nhất là D. Wa gain a danner
Giải thích: Đoạn này n	iói về lợi ích lớn hơn từ việc tình nguyện. Câu phù hợp nhất là D. We gain a deeper ứng tạ có được ý nghĩa sâu sắc hơn trong cuộc sống)
Giải thích: Đoạn này n	iói về lợi ích lớn hơn từ việc tình nguyện. Câu phù hợp nhất là D. We gain a deeper úng ta có được ý nghĩa sâu sắc hơn trong cuộc sống).
Giải thích: Đoạn này n	
Giải thích: Đoạn này n sense of purpose (Ch	
Giải thích: Đoạn này n sense of purpose (Ch Câu 40:	
Giải thích: Đoạn này n sense of purpose (Ch Câu 40: Đáp án: B Giải thích:	
Giải thích: Đoạn này n sense of purpose (Ch Câu 40: Đáp án: B Giải thích: + Chủ quan: Loại trừ	